

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-PT
Ngày 20-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 27/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 33/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X; địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Công Q, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X Chi nhánh Đắk Nông; địa chỉ: Số 35, đường 23/3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 27-12-2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Châu L, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng hộ sản xuất cá nhân Ngân hàng X Chi nhánh Đắk Nông; địa chỉ: Số 35, đường B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 01-7-2022) – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị A; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2021 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18-4-2013, Ngân hàng X (viết tắt là Ngân hàng) cho bà Vũ Thị A vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201302387 cho vay số tiền 800.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; định kỳ trả lãi 03 tháng/lần.

- Hợp đồng tín dụng số 5300-LAN-201302388 cho vay số tiền 1.450.000.000 đồng; thời hạn trả gốc: Ngày 25-3-2014 trả 100.000.000 đồng, ngày 25-3-2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 25-3-2016 trả 300.000.000 đồng, ngày 25-3-2017 trả 350.000.000 đồng, ngày 25-3-2018 trả 500.000.000 đồng; định kỳ trả lãi 03 tháng/lần.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà A đã thế chấp cho Ngân hàng các thửa đất số 60, 61, 62, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 07-5-2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2327/TC ngày 24-02-2009.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà A chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 200.800.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201302387 và 87.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAY- 201302388. Toàn bộ khoản nợ vay của bà A đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 11-01-2014 đối với Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV- 201302387 và từ ngày 16-01-2014 đối với Hợp đồng tín dụng số 5500-LAV-201302388. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở bà A trả nợ nhưng bà A không trả.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà A phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22-9-2022), cụ thể: Trả 1.607.656.798 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300 LAV-201302387, trong đó tiền gốc là 599.200.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 1.008.456.798 đồng; trả 3.372.614.569 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201501388, trong đó tiền gốc 1.363.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 2.009.614.569 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22-9-2022.

Trường hợp bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2327/TC ngày 24-02-2009. Trường hợp số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà A phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị A trình bày: Bà thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như trình bày của Ngân hàng. Tuy nhiên, do điều kiện đầu tư khó khăn nên bà chưa trả được nợ theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà xin Ngân hàng cho bà thêm thời gian để thu xếp trả nợ, đồng thời bà cũng đang làm đơn xin Ngân hàng giảm lãi suất.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 22-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản

1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc bà A phải trả cho Ngân hàng số tiền theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Số tiền 1.607.656.798 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300 LAV-201302387, trong đó tiền gốc là 599.200.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn là 1.008.456.798 đồng.

- Số tiền 3.372.614.569 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201501388, trong đó tiền gốc 1.363.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn là 2.009.614.569 đồng.

Bà A phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2327/TC ngày 24-02-2009. Trường hợp tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà A phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15-10-2022, bị đơn bà Vũ Thị A kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc và lãi, rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp ; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị A nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về số tiền vay: Ngày 18-4-2013, bà A ký 02 hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng tổng số tiền 2.250.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201302387 vay 800.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 5300-

LAN- 201302388 vay 1.450.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, bà A chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 200.800.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201302387 và 87.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAY-201302388. Các đương sự đều thừa nhận điều này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về tiền nợ gốc:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201302387: Bà A vay 800.000.000 đồng, đã trả 200.800.000 đồng, còn nợ 599.200.000 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 5300-LAN- 201302388: Bà A vay 1.450.000.000 đồng, đã trả 87.000.000 đồng, còn nợ 1.363.000.000 đồng.

[2.3]. Về tiền nợ lãi: Căn cứ vào Bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp và Tòa án đã kiểm tra, đối chiếu dựa trên mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-9-2022), bà A còn nợ Ngân hàng số tiền lãi trong hạn và quá hạn cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201302387: Nợ 1.008.456.798 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 5300-LAN- 201302388: Nợ 2.009.614.569 đồng.

[2.4]. Xét thấy, bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà A phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bà A phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng sau ngày 22-9-2022 là không chính xác. Theo hướng dẫn tại Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 thì cần tuyên buộc bà A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất chậm trả.

[2.5]. Về xử lý tài sản thế chấp: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp; bị đơn đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc bị đơn đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác nên căn cứ Điều 299, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp.

[2.6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà A, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp; sửa bản án sơ thẩm về lãi suất chậm trả; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Ánh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 299, khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hủy một phần B án án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 22-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X về xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2327/TC ngày 24-02-2009 giữa bà Vũ Thị A với Ngân hàng X.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị A, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 22-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông về lãi suất chậm trả; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, buộc bà Vũ Thị A phải trả cho Ngân hàng X số tiền theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 5300 LAV-201302387: Tổng số tiền 1.607.656.798đ (*một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng*), trong đó tiền gốc 599.200.000đ (*năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng*); tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn 1.008.456.798đ (*một tỷ không trăm lẻ tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng*).

- Theo Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201501388: Tổng số tiền 3.372.614.569đ (*ba tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó tiền gốc 1.363.000.000đ (*một tỷ ba trăm sáu mươi ba triệu đồng*); tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn 2.009.614.569đ (*hai tỷ không trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 22-9-2022, bà Vũ Thị A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng X thì lãi suất mà bà Vũ Thị A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng X sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng X.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Vũ Thị A phải hoàn trả cho Ngân hàng X số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*).

2.3. Về án phí:

2.3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Vũ Thị A phải chịu 112.980.000 đồng (*một trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng X số tiền 56.417.000 đồng (*năm mươi sáu triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 05-11-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà Vũ Thị A số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Z ngày 21-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Lê Văn Hữu